



Số: /2021/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

DỰ THẢO 15.09  
TRÌNH BỘ

THÔNG TƯ

Hướng dẫn hình thức đóng góp, mức đóng góp, trích lập, quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán, quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quản lý

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 59/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn hình thức đóng góp, mức đóng góp, trích lập, quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán, quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quản lý.

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn các nội dung sau đây:
  - a) Hình thức đóng góp, mức đóng góp, phương thức quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán;
  - b) Trích lập, quản lý và sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ.

2. Quỹ hỗ trợ thanh toán, quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ quy định tại Thông tư này không áp dụng trong trường hợp mất khả năng thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
2. Thành viên lưu ký và thành viên bù trừ.
3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

## **Chương II**

### **QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

#### **Điều 3. Hình thức và mức đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán**

1. Quỹ hỗ trợ thanh toán được hình thành từ các nguồn sau:
  - a) Khoản đóng góp bằng tiền của các thành viên lưu ký theo mức đóng góp quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b) Lãi tiền gửi phát sinh từ tài khoản tiền gửi quỹ hỗ trợ thanh toán tại ngân hàng thanh toán theo mức lãi suất không kỳ hạn do ngân hàng thanh toán công bố tại từng thời điểm;
  - c) Tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán thu từ thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này.
2. Mức đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán đối với mỗi thành viên lưu ký như sau:
  - a) Mức đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng;
  - b) Mức đóng góp hàng năm bằng 0,01% tổng giá trị giao dịch được thanh toán trong năm liền trước của thành viên lưu ký (không bao gồm giao dịch tự doanh) đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm, trái phiếu doanh nghiệp (ngoại trừ trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ) thực hiện trên hệ thống giao dịch chứng khoán, tối đa không quá 2,5 tỷ đồng/năm;
  - c) Mức đóng góp lũy kế tối đa là 15 tỷ đồng đối với thành viên lưu ký là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và không có nghiệp vụ tự doanh; 20 tỷ đồng đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh.
3. Thời hạn đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán:

a) Thời hạn đóng góp ban đầu: Thành viên lưu ký có trách nhiệm nộp tiền đóng góp cố định ban đầu vào quỹ hỗ trợ thanh toán trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký.

b) Thời hạn đóng góp hàng năm: Chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 hàng năm, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam gửi thông báo số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán hàng năm tới từng thành viên lưu ký. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 hàng năm, thành viên lưu ký có trách nhiệm hoàn tất việc nộp tiền đóng góp hàng năm vào quỹ hỗ trợ thanh toán.

**Điều 4. Quản lý quỹ hỗ trợ thanh toán trước thời điểm chính thức triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm**

1. Tiền đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán thuộc sở hữu của thành viên lưu ký và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quản lý tách biệt với tài sản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thanh toán để quản lý tiền của các thành viên lưu ký đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không thực hiện gửi có kỳ hạn đối với số tiền đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký.

3. Lãi tiền gửi và tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán được phân bổ cho thành viên lưu ký theo quy định tại Điều 8 Thông tư này sau khi trừ chi phí quản lý tài khoản tiền gửi quỹ hỗ trợ thanh toán tại ngân hàng thanh toán (nếu có). Chi phí quản lý tài khoản tiền gửi quỹ hỗ trợ thanh toán tại ngân hàng thanh toán không tính vào chi phí hoạt động của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký đang trong thời gian xử lý thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký được quản lý tách biệt khỏi quỹ hỗ trợ thanh toán và được hoàn trả cho thành viên lưu ký theo quy định tại Điều 5 Thông tư này. Cơ quan có thẩm quyền có quyền ra quyết định thu hồi một phần hoặc toàn bộ khoản tiền đóng góp còn lại (nếu có) sau khi đã khấu trừ số tiền thành viên lưu ký còn phải thanh toán cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**Điều 5. Quản lý tách biệt và hoàn trả tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán**

1. Sau khi thành viên lưu ký bị Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ngừng cung cấp dịch vụ để thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký và thành viên lưu ký đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện quản lý tách biệt tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký đang trong thời gian xử lý thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký như sau:

a) Xác định số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký được quản lý tách biệt khỏi quỹ hỗ trợ thanh toán (sau đây gọi tắt là số tiền đóng góp quản lý tách biệt), bao gồm: Số dư tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký tại thời điểm xác định số dư, lãi tiền gửi và tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán được phân bổ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này (nếu có).

b) Xác định số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán phải hoàn trả hoặc còn phải thu đối với thành viên lưu ký (sau đây gọi tắt là khoản phải hoàn trả và khoản phải thu) theo nguyên tắc:

- Trường hợp thành viên lưu ký không còn nợ quỹ hỗ trợ thanh toán, khoản phải hoàn trả được xác định là số tiền đóng góp quản lý tách biệt;

- Trường hợp tổng số tiền thành viên lưu ký đang sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán nhưng chưa hoàn trả và tiền lãi sử dụng chưa trả tính đến thời điểm quản lý tách biệt nhỏ hơn số tiền đóng góp quản lý tách biệt, khoản phải hoàn trả được xác định là chênh lệch giữa số tiền đóng góp quản lý tách biệt với tổng số tiền thành viên lưu ký đang sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán nhưng chưa hoàn trả và tiền lãi sử dụng chưa trả tính đến thời điểm quản lý tách biệt;

- Trường hợp tổng số tiền thành viên lưu ký đang sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán nhưng chưa hoàn trả và tiền lãi sử dụng chưa trả tính đến thời điểm quản lý tách biệt lớn hơn số tiền đóng góp quản lý tách biệt, khoản phải thu được xác định là chênh lệch giữa tổng số tiền thành viên lưu ký đang sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán nhưng chưa hoàn trả và tiền lãi sử dụng chưa trả tính đến thời điểm quản lý tách biệt với số tiền đóng góp quản lý tách biệt.

2. Khi quản lý tách biệt, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được khấu trừ từ khoản phải hoàn trả để thu hồi các khoản công nợ, giá dịch vụ, nghĩa vụ tài chính mà thành viên lưu ký còn phải thanh toán cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Sau khi hoàn tất các nội dung quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam gửi văn bản thông báo cho thành viên lưu ký về việc quản lý tách biệt số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán; khoản phải hoàn trả hoặc khoản phải thu; các khoản công nợ, giá dịch vụ, nghĩa vụ tài chính đã được khấu trừ (nếu có).

4. Lãi tiền gửi từ khoản phải hoàn trả phát sinh (theo lãi suất không kỳ hạn do ngân hàng thanh toán công bố tại từng thời điểm) sau thời điểm quản lý tách biệt (nếu có) được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam tiếp tục quản lý tách biệt và phân bổ cho thành viên lưu ký theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

5. Kể từ thời điểm quản lý tách biệt, thành viên lưu ký không phải chịu lãi sử dụng đối với khoản phải thu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

6. Đối với các khoản công nợ, giá dịch vụ, nghĩa vụ tài chính thành viên lưu ký còn phải thanh toán cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phát sinh sau thời điểm thực hiện quản lý tách biệt, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện khấu trừ định kỳ vào ngày 31 tháng 12 hàng năm hoặc tại thời điểm xác định khoản phải hoàn trả để cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc khi hoàn trả tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán cho thành viên lưu ký theo quy định tại khoản 7 Điều này.

7. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện hoàn trả tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán cho thành viên lưu ký bị thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký như sau:

a) Tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán còn lại sau khi phân bổ lãi tiền gửi từ khoản phải hoàn trả theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này và khấu trừ các khoản thành viên lưu ký còn phải thanh toán cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (nếu có).

b) Chậm nhất trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoàn trả số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán còn lại cho thành viên lưu ký.

**Điều 6. Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán trước thời điểm chính thức triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm**

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán trong các trường hợp sau:

a) Hỗ trợ thanh toán trong trường hợp thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán;

b) Chi trả lãi tiền gửi, tiền lãi sử dụng được phân bổ trong năm còn lại sau khi khấu trừ nghĩa vụ đóng góp theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này hoặc trong trường hợp thành viên đã đạt mức giới hạn tối đa đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Thông tư này;

c) Chi trả phí quản lý tài khoản tiền gửi quỹ hỗ trợ thanh toán cho ngân hàng thanh toán (nếu có);

d) Ghi chi số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký để quản lý tách biệt theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán để hỗ trợ thanh toán cho thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp có 01 thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán tiền giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm và trái phiếu doanh nghiệp: Thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán được nhận mức hỗ trợ tối đa từ quỹ hỗ trợ thanh toán là 25 tỷ đồng.

b) Trường hợp có từ 02 thành viên lưu ký trở lên tạm thời mất khả năng thanh toán tiền giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm và trái phiếu doanh nghiệp trong cùng ngày thanh toán với tổng số tiền thiếu hụt nhỏ hơn 40 tỷ đồng: Mỗi thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán được nhận mức hỗ trợ tối đa từ quỹ hỗ trợ thanh toán là 25 tỷ đồng/thành viên.

c) Trường hợp có từ 02 thành viên lưu ký trở lên tạm thời mất khả năng thanh toán tiền giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm và trái phiếu doanh nghiệp trong cùng ngày thanh toán với tổng số tiền thiếu hụt từ 40 tỷ đồng trở lên: Mỗi thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán được nhận mức hỗ trợ tối đa từ quỹ hỗ trợ thanh toán là 25 tỷ đồng/thành viên. Tổng số tiền sử dụng từ quỹ để hỗ trợ thanh toán không quá 40 tỷ đồng/một ngày thanh toán.

3. Nguyên tắc xác định mức hỗ trợ thanh toán trong trường hợp quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều này như sau:

a) Sử dụng từ phần đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán ( $TV_A$ ) tại thời điểm sử dụng theo công thức sau:

$$\frac{\text{Phần đóng góp quỹ}}{\text{hỗ trợ thanh toán được}} = \frac{\text{Tổng số đóng góp vào}}{\text{quỹ hỗ trợ thanh toán}} - \frac{\text{Các khoản sử dụng chưa}}{\text{của } TV_A} \text{ trả quỹ hỗ trợ thanh toán của } TV_A \text{ (nếu có)}$$

b) Trường hợp khoản đóng góp của thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán không đủ để thanh toán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trích từ khoản đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của các thành viên lưu ký khác ( $TV_m$ ) theo công thức sau:

$$\text{Số tiền hỗ trợ của } TV_m = K_m \times [\min (\text{số tiền thiếu hụt của } TV_A, 25 \text{ tỷ}) - \text{Phần đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán được sử dụng của } TV_A]$$

Trong đó:

$$K_m = \frac{\text{Khoản đóng góp của } TV_m \text{ tại thời điểm sử dụng quỹ}}{\frac{\text{Tổng quỹ hỗ trợ thanh toán}}{\text{tại thời điểm sử dụng quỹ}} - \frac{\text{Tổng số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ}}{\text{thanh toán của các thành viên lưu ký}}}$$

4. Nguyên tắc xác định mức hỗ trợ thanh toán trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này như sau:

a) Sử dụng từ phần đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán ( $TV_A$ ) tại thời điểm sử dụng theo công thức tại điểm a khoản 3 Điều này.

b) Trường hợp tổng số tiền từ phần đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán được sử dụng của các thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán nhỏ hơn 40 tỷ đồng, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trích từ khoản đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của các thành viên lưu ký khác ( $TV_m$ ) để hỗ trợ cho thành viên lưu ký còn thiếu tiền.

Mức hỗ trợ cho mỗi thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán ( $TV_A$ ) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Mức hỗ trợ cho } TV_A = \min \left[ \begin{array}{l} \text{Phần đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán được sử dụng của } TV_A \\ + K_A \times (40 \text{ tỷ} - \text{Tổng số đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán được sử dụng của các thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán}) \end{array} \right], 25 \text{ tỷ} \right]$$

Trong đó:

$$K_A = \frac{\text{Số tiền thiếu hụt của } TV_A}{\text{Tổng số tiền thiếu hụt của các thành viên trong cùng ngày}} = \frac{\text{Phần đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán được sử dụng của } TV_A}{\text{Tổng số đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán được sử dụng của các thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán}}$$

Mức hỗ trợ của các thành viên lưu ký khác ( $TV_m$ ) cho mỗi thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán được xác định theo công thức sau:

$$\text{Số tiền hỗ trợ của } TV_m = K_m \times (\text{mức hỗ trợ cho } TV_A - \text{Phần đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán được sử dụng của } TV_A)$$

Trong đó:

$$K_m = \frac{\text{Khoản đóng góp của } TV_m \text{ tại thời điểm sử dụng quỹ}}{\text{Tổng quỹ hỗ trợ thanh toán tại thời điểm sử dụng quỹ}} = \frac{\text{Tổng số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của các thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán}}{\text{Tổng quỹ hỗ trợ thanh toán vượt quá số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của chính thành viên lưu ký, thành viên lưu ký cần có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng đối với số tiền quỹ hỗ trợ thanh toán sử dụng vượt mức đóng góp. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được phong toả chứng khoán nhận về từ giao dịch mua thiếu tiền (theo thông báo của thành viên) và/hoặc chứng khoán}}}$$

5. Trường hợp thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán vượt quá số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của chính thành viên lưu ký, thành viên lưu ký cần có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng đối với số tiền quỹ hỗ trợ thanh toán sử dụng vượt mức đóng góp. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được phong toả chứng khoán nhận về từ giao dịch mua thiếu tiền (theo thông báo của thành viên) và/hoặc chứng khoán

trên tài khoản tự doanh của thành viên theo yêu cầu của ngân hàng bảo lãnh để sử dụng làm tài sản bảo đảm cho bảo lãnh của ngân hàng.

6. Thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán chỉ được nhận mức hỗ trợ tối đa trong phạm vi đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của chính thành viên lưu ký đối với các trường hợp sau:

a) Trong vòng 03 tháng kể từ ngày thành viên lưu ký sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán trong phạm vi đóng góp của chính thành viên lưu ký và trong vòng 06 tháng kể từ ngày thành viên lưu ký sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán vượt phạm vi đóng góp của chính thành viên lưu ký (ngoại trừ thành viên lưu ký bị thiếu tiền thanh toán giao dịch chứng khoán phải sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán do điều chỉnh thông báo tổng hợp kết quả thanh toán tiền giao dịch chứng khoán phát sinh từ giao dịch bị lùi thời hạn thanh toán, loại bỏ không thanh toán của thành viên lưu ký khác);

b) Thành viên lưu ký chưa nộp đủ tiền đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán hoặc chưa hoàn trả tiền sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán tại thời điểm tạm thời mất khả năng thanh toán.

#### **Điều 7. Hoàn trả tiền sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán và tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán**

1. Ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán để thanh toán thay cho thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán, thành viên lưu ký có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán và tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán phải trả theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này. Quá thời hạn nêu trên, thành viên lưu ký phải chịu tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán chậm trả trên số tiền quỹ hỗ trợ thanh toán chưa hoàn trả theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

2. Thành viên lưu ký bị thiếu tiền thanh toán giao dịch chứng khoán do điều chỉnh thông báo tổng hợp kết quả thanh toán tiền giao dịch chứng khoán phát sinh từ giao dịch bị lùi thời hạn thanh toán, loại bỏ không thanh toán của thành viên lưu ký khác tại ngày thanh toán có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày sử dụng quỹ và không phải chịu tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán. Quá thời hạn nêu trên, thành viên lưu ký phải chịu tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán trên số tiền sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán chưa hoàn trả theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này trong thời hạn 05 ngày tính từ ngày làm việc thứ 03 kể từ ngày sử dụng quỹ và theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này cho những ngày tiếp theo.

3. Tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán được tính như sau:

a) Tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán phải trả:

$$I = 0,03\% \times P \times n$$

Trong đó:

$I$ : tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán phải trả

$P$ : số tiền sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán

$n$ : số ngày sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán phải chịu lãi

b) Tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán chậm trả:

$$I_c = 0,0375\% \times P_c \times n_c$$

Trong đó:

$I_c$ : tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán chậm trả

$P_c$ : số tiền sử dụng từ quỹ hỗ trợ thanh toán chậm trả

$n_c$ : số ngày chậm trả quỹ hỗ trợ thanh toán

#### Điều 8. Phân bổ lãi tiền gửi và tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện phân bổ lãi tiền gửi và tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán cho thành viên lưu ký theo công thức:

$$Z_i = (B + V - R) \times \frac{\sum_j^m TV_i}{\sum_j^m \sum_i^{n_j} TV_i}$$

Trong đó:

$Z_i$ : số tiền lãi phân bổ cho thành viên lưu ký i.

$B$ : là chênh lệch giữa lãi tiền gửi quỹ hỗ trợ thanh toán và phí quản lý tài khoản tiền gửi quỹ hỗ trợ thanh toán tại ngân hàng thanh toán phát sinh trong giai đoạn tính toán (nếu có).

$V$ : là tổng số tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán thu từ các thành viên lưu ký tạm thời mất khả năng thanh toán tiền đã sử dụng quỹ trong giai đoạn tính toán.

$R$ : là tổng số tiền lãi ngân hàng và lãi sử dụng đã phân bổ cho các thành viên lưu ký bị thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký trong giai đoạn tính toán.

$\sum_j^m TV_i$ : là tổng số dư tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của tất cả các ngày trong giai đoạn tính toán của thành viên lưu ký i ( $j: 1 \rightarrow m$ ,  $m$  là số ngày tính phân bổ lãi).

$\sum_j^m \sum_i^{n_j} TV_i$ : là tổng số dư tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của tất cả các ngày trong giai đoạn tính toán của tất cả các thành viên lưu ký ( $i: 1 \rightarrow n_j$ ,  $n_j$  là số thành viên lưu ký đóng góp quỹ tại ngày j).

2. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện phân bổ lãi tiền gửi khoán phải hoàn trả cho thành viên lưu ký theo công thức:

$$Z_i = B \times \frac{\sum_j^m TV_i}{\sum_j^m \sum_i^{n_j} TV_i}$$

Trong đó:

$Z_i$ : số tiền lãi phân bổ cho thành viên lưu ký i.

B: là chênh lệch giữa lãi tiền gửi của khoán phải hoàn trả và phí quản lý tài khoán quản lý tách biệt tại ngân hàng thanh toán phát sinh trong giai đoạn tính toán (nếu có).

$\sum_j^m TV_i$ : là tổng số dư tiền gửi từ khoán phải hoàn trả của tất cả các ngày trong giai đoạn tính toán của thành viên lưu ký i ( $j: 1 \rightarrow m$ , m là số ngày tính phân bổ lãi).

$\sum_j^m \sum_i^{n_j} TV_i$ : là tổng số dư tiền gửi từ các khoán phải hoàn trả của tất cả các ngày trong giai đoạn tính toán của tất cả các thành viên lưu ký ( $i: 1 \rightarrow n_j$ ,  $n_j$  là số thành viên lưu ký có khoán phải hoàn trả được quản lý tách biệt tại ngày j).

3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện phân bổ lãi tiền gửi và tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán phát sinh trong năm cho thành viên lưu ký vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đối với thành viên lưu ký thuộc trường hợp xử lý thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện phân bổ lãi tiền gửi và tiền lãi sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán tại thời điểm xác định số tiền đóng góp quản lý tách biệt, phân bổ lãi tiền gửi phát sinh từ khoán phải hoàn trả trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền có thông báo thu hồi số tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký hoặc khi ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

4. Ngoại trừ trường hợp lãi tiền gửi đối với khoán phải hoàn trả được quản lý tách biệt theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, số tiền lãi phân bổ cho thành viên lưu ký trong năm được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam khấu trừ vào nghĩa vụ đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký đó trong năm tiếp theo. Trường hợp số tiền lãi được phân bổ vượt quá nghĩa vụ đóng góp, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chỉ trả cho thành viên lưu ký đó số tiền lãi còn lại sau khi khấu trừ nghĩa vụ đóng góp.

#### **Điều 9. Quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán kể từ thời điểm chính thức triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm**

Việc quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán kể từ thời điểm chính thức triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối

tác bù trừ trung tâm thực hiện theo quy định tại Điều 39 Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

### **Chương III**

### **QUỸ PHÒNG NGỪA RỦI RO NGHIỆP VỤ**

#### **Điều 10. Trích lập quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ**

1. Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ được hình thành từ các nguồn sau:

a) Số dư quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ và quỹ phòng ngừa rủi ro thanh toán chứng khoán phái sinh của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chuyển sang theo quy định tại khoản 15 Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

b) Trích 5% doanh thu hàng năm từ hoạt động nghiệp vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam để trích quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ được xác định theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

3. Việc trích quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ được thực hiện hàng quý. Tổng mức trích quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ lũy kế không quá 30% vốn điều lệ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

#### **Điều 11. Quản lý và sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ**

1. Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ thuộc sở hữu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, được trích lập, theo dõi, hạch toán kế toán tách biệt với vốn và tài sản khác của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trong năm tài chính nếu sử dụng không hết, số dư quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ được chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp.

2. Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ được sử dụng để xử lý rủi ro trong quá trình xử lý các nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, bao gồm:

a) Đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền giao dịch chứng khoán khi triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

b) Bù đắp thiệt hại tài chính cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam khi triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm theo quy định tại Điều 13 Thông tư này;

c) Bồi thường thiệt hại do sự cố kỹ thuật hoặc lỗi phát sinh trong quá trình xử lý hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam báo cáo Bộ Tài chính trước khi sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ trong các trường hợp sau:

a) Số tiền sử dụng từ quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ từng lần hoặc lũy kế vượt quá 50% số dư quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ tại thời điểm gần nhất;

b) Sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ trong trường hợp không có tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh ngân hàng.

#### **Điều 12. Sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền giao dịch chứng khoán**

1. Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ được sử dụng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền giao dịch chứng khoán theo quy định về trình tự sử dụng các nguồn hỗ trợ xử lý mất khả năng thanh toán tại các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, bao gồm cả các chi phí phát sinh liên quan (nếu có).

2. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chỉ sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền giao dịch chứng khoán khi thành viên mất khả năng thanh toán có bảo lãnh của ngân hàng hoặc sử dụng chứng khoán nhận về từ giao dịch mua thiểu tiền, chứng khoán trên tài khoản tự doanh của thành viên để làm tài sản bảo đảm cho khoản vay. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định và thực hiện phong toả chứng khoán tự doanh của thành viên, riêng đối với chứng khoán nhận về từ giao dịch thiểu tiền, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam phong toả theo thông báo của thành viên. Trường hợp không có tài sản bảo đảm hoặc tài sản bảo đảm không đủ, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam báo cáo Bộ Tài chính xem xét quyết định.

3. Số tiền quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ đã sử dụng để đảm bảo thanh toán tiền giao dịch chứng khoán và chi trả các chi phí phát sinh liên quan (nếu có) được coi là khoản nợ phải thu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với thành viên mất khả năng thanh toán và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo dõi, quản lý theo quy định về

quản lý nợ của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản nợ phải thu này.

4. Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên mất khả năng thanh toán có trách nhiệm hoàn trả cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam số tiền đã sử dụng từ quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ và tiền lãi sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ phải trả theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này. Quá thời hạn nêu trên, thành viên lưu ký phải chịu tiền lãi sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ chậm trả trên số tiền quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ chưa hoàn trả theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.

5. Tiền lãi sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ được tính như sau:

a) Tiền lãi sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ phải trả:

$$I = 0,03\% \times P$$

Trong đó:

*I: tiền lãi sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ*

*P: số tiền thành viên sử dụng từ quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ*

b) Tiền lãi sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ chậm trả:

$$I_c = 0,0375\% \times P_c \times n_c$$

Trong đó:

*I\_c: tiền lãi sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ chậm trả*

*P\_c: số tiền thành viên sử dụng từ quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ chậm trả*

*n\_c: số ngày chậm trả quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ*

6. Tiền lãi sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ thu được từ thành viên mất khả năng thanh toán theo quy định tại khoản 5 Điều này được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ghi nhận vào doanh thu hoạt động khác trong kỳ phát sinh.

### **Điều 13. Sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để bù đắp thiệt hại tài chính**

1. Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ được sử dụng để bù đắp các thiệt hại tài chính phát sinh từ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán (ngoại trừ chứng khoán phái sinh) bao gồm: Số tiền quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ đã sử dụng để đảm bảo khả năng thanh toán nhưng không có khả năng thu hồi; chi phí phát sinh liên quan đến việc đảm bảo thanh toán cho thành viên và khách

hàng của thành viên bị mất khả năng thanh toán nhưng không có khả năng thu hồi. Trong đó, phần chi phí phát sinh bao gồm:

- a) Phí chuyển tiền ngân hàng từ các nguồn hỗ trợ như ký quỹ tự doanh, ký quỹ môi giới, quỹ bù trừ, quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ, nguồn vốn hợp pháp của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về tài khoản thanh toán tại ngân hàng thanh toán để đảm bảo khả năng thanh toán;
- b) Phí chuyển tiền ngân hàng đối với số tiền thu được từ việc bán, chuyển giao chứng khoán ký quỹ, chứng khoán đóng góp quỹ bù trừ để hoàn trả các nguồn hỗ trợ đã sử dụng để đảm bảo khả năng thanh toán;
- c) Số tiền sử dụng dịch vụ giao dịch chứng khoán, dịch vụ đấu giá, chào bán cạnh tranh trong trường hợp bán, chuyển giao chứng khoán ký quỹ, chứng khoán đóng góp quỹ bù trừ, chứng khoán chờ về của các giao dịch mua mất khả năng thanh toán tiền qua hệ thống giao dịch chứng khoán;
- d) Số tiền sử dụng dịch vụ chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp bán, chuyển giao chứng khoán ký quỹ, chứng khoán đóng góp quỹ bù trừ ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán đối với phần doanh thu Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được hưởng nhưng không có khả năng thu hồi và phần doanh thu điều tiết cho Sở giao dịch chứng khoán theo thỏa thuận;
- đ) Các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo thanh toán cho thành viên và khách hàng của thành viên bị mất khả năng thanh toán nhưng không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ được sử dụng để bù đắp các thiệt hại tài chính phát sinh từ hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phải sinh bao gồm: Khoản lỗ phát sinh từ việc đóng vị thế, thanh lý vị thế của thành viên bù trừ, khách hàng của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán sau khi đã bù đắp bằng số tiền thu được từ việc bán, chuyển giao tài sản ký quỹ bằng chứng khoán của nhà đầu tư mất khả năng thanh toán, tài sản ký quỹ bằng chứng khoán phục vụ cho hoạt động tự doanh, khoản đóng góp vào quỹ bù trừ bằng chứng khoán của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán; số tiền quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ đã sử dụng để đảm bảo khả năng thanh toán nhưng không có khả năng thu hồi; chi phí phát sinh liên quan đến việc đảm bảo thanh toán cho thành viên bù trừ và khách hàng của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán nhưng không có khả năng thu hồi. Trong đó, phần chi phí phát sinh bao gồm:

- a) Phí chuyển tiền ngân hàng từ các nguồn hỗ trợ như ký quỹ tự doanh, ký quỹ môi giới, quỹ bù trừ, quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ, nguồn vốn hợp pháp của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về tài khoản thanh toán tại ngân hàng thanh toán để đảm bảo khả năng thanh toán;

b) Phí chuyển tiền ngân hàng đối với số tiền thu được từ việc bán, chuyển giao chứng khoán ký quỹ, chứng khoán đóng góp quỹ bù trừ để hoàn trả các nguồn hỗ trợ đã sử dụng để đảm bảo khả năng thanh toán;

c) Số tiền sử dụng dịch vụ giao dịch chứng khoán trong trường hợp đóng vị thế, thanh lý vị thế của nhà đầu tư, thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán qua hệ thống giao dịch chứng khoán;

d) Số tiền sử dụng dịch vụ giao dịch chứng khoán, dịch vụ đấu giá, chào bán cạnh tranh trong trường hợp bán, chuyển giao chứng khoán ký quỹ, chứng khoán đóng góp quỹ bù trừ qua hệ thống giao dịch chứng khoán;

đ) Số tiền sử dụng dịch vụ chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp bán, chuyển giao chứng khoán ký quỹ, chứng khoán đóng góp quỹ bù trừ ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán đối với phần doanh thu Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được hưởng nhưng không có khả năng thu hồi và phần doanh thu điều tiết cho Sở giao dịch chứng khoán theo thỏa thuận;

e) Các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo thanh toán cho thành viên bù trừ và khách hàng của thành viên bù trừ mất khả năng thanh toán nhưng không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật.

**Điều 14. Sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để bồi thường thiệt hại do sự cố kỹ thuật hoặc lỗi phát sinh trong quá trình xử lý hoạt động nghiệp vụ**

1. Số tiền bồi thường thiệt hại được xác định trên cơ sở thiệt hại thực tế phát sinh đã được thống nhất giữa Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam với bên bị thiệt hại và giám định thiệt hại bởi tổ chức có chức năng liên quan hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Chi phí giám định thiệt hại do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định (trường hợp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền) hoặc tiền dịch vụ giám định của đơn vị được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lựa chọn cung cấp dịch vụ giám định thiệt hại (nếu có) được tính vào tổng số tiền bồi thường thiệt hại.

2. Sử dụng quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ trong trường hợp cá nhân có lỗi gây thiệt hại:

a) Việc bồi thường các thiệt hại phát sinh do lỗi của cá nhân trong quá trình xử lý nghiệp vụ được xử lý theo nguyên tắc chi từ quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để bồi thường thiệt hại trước, cá nhân có lỗi gây thiệt hại hoàn trả sau.

b) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thành lập Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả để xác định số tiền hoàn trả của cá nhân có lỗi gây thiệt hại trong quá trình xử lý hoạt động nghiệp vụ tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

c) Cá nhân có lỗi gây thiệt hại có nghĩa vụ hoàn trả vào quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ số tiền thuộc trách nhiệm hoàn trả của mình mà Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam đã sử dụng từ quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ để bồi thường cho bên bị thiệt hại.

## Chương IV

### CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO CÁC QUỸ

#### Điều 15. Chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo các quỹ

1. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm mở sổ kế toán, hạch toán rõ ràng, đầy đủ các khoản thu, chi phát sinh liên quan tới quỹ hỗ trợ thanh toán, quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ theo các quy định pháp luật hiện hành và hướng dẫn kế toán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Việc kiểm toán quỹ hỗ trợ thanh toán, quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ được thực hiện hàng năm và thuộc nội dung kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định pháp luật về kiểm toán đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm tổ chức việc lưu trữ hồ sơ, chứng từ liên quan tới quỹ hỗ trợ thanh toán, quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.

4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm báo cáo, công bố thông tin về tình hình quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán, quỹ phòng ngừa rủi ro nghiệp vụ theo quy định của pháp luật.

## Chương V

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm

2. Thông tư này bãi bỏ nội dung quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán quy định tại khoản 3 Điều 45 Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

3. Việc quản lý tách biệt tiền đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán của thành viên lưu ký bị Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ngừng cung cấp dịch vụ để xử lý thu hồi Giấy chứng nhận thành viên lưu ký đã phát sinh trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

### **Điều 17. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành theo đúng quy định tại Thông tư này.

2. Trước khi Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chính thức hoạt động theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các nội dung liên quan đến Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam quy định tại Thông tư này do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng Thông tin điện tử Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Lưu: VT, UBCK (150b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THÚ TRƯỞNG**

**Nguyễn Đức Chi**

